

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng (bao gồm nhân công xây dựng và nhân công tư vấn xây dựng) để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng bao gồm: sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, giá gói thầu xây dựng, giá xây dựng công trình, giá hợp đồng xây dựng, chỉ số giá xây dựng, dự toán các công tác tư vấn xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng các quy định của Thông tư này để thực hiện xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xác định chi phí đầu tư xây dựng làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các dự án sử dụng vốn khác.

Điều 3. Nguyên tắc xác định và điều chỉnh đơn giá nhân công

1. Đơn giá nhân công xây dựng xác định theo hướng dẫn tại Thông tư này đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với trình độ tay nghề theo cấp bậc nhân công trong hệ thống định mức dự toán xây dựng công trình, điều kiện làm việc của công nhân xây dựng; đặc điểm, tính chất công việc; phù hợp với nội dung, tính chất công việc, chức danh và trình độ, chất lượng nhân công tư vấn xây dựng.

b) Phù hợp với mặt bằng giá nhân công xây dựng (đã bao gồm các yếu tố bù đắp lương do điều kiện sinh hoạt) trên thị trường lao động của từng địa phương, nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

c) Đáp ứng yêu cầu chi trả một số khoản chi phí thuộc trách nhiệm của người lao động phải trả theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn).

d) Đơn giá nhân công xây dựng được xác định với thời gian làm việc một ngày là 8 giờ.

2. Đơn giá nhân công xây dựng được điều chỉnh khi mặt bằng giá nhân công xây dựng trên thị trường có sự biến động.

Điều 4. Nội dung đơn giá nhân công xây dựng

1. Đơn giá ngày công của nhân công xây dựng là đơn giá ngày công của công nhân trực tiếp sản xuất xây dựng, lái xe, thợ vận hành máy và thiết bị thi công, kỹ sư khảo sát; thuyền trưởng, thuyền phó, thợ điều khiển tàu sông, tàu biển, thợ thủ, thợ máy, kỹ thuật viên; nghệ nhân, thợ lặn làm việc trong điều kiện bình thường.

2. Đơn giá ngày công của tư vấn xây dựng là đơn giá ngày công của tư vấn xây dựng trong nước, bao gồm kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án; kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn; kỹ sư; kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề; trong đó, đã bao gồm đầy đủ các khoản lương, phụ cấp lương, các khoản bảo hiểm thuộc trách nhiệm của người lao động phải nộp theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn).

3. Đơn giá nhân công xây dựng của công tác cá biệt là đơn giá của nhân công xây dựng làm việc trong điều kiện nguy hiểm, độc hại (công trình thi công

đèo dốc cao, công trình hầm; công trình thi công ngoài biển đảo và một số công trình có tính chất cá biệt khác).

4. Đơn giá nhân công xây dựng được khảo sát, xác định và công bố theo 10 nhóm công tác xây dựng tại Phụ lục số 2 của Thông tư này. Riêng nhóm nhân công xây dựng thứ 11 là nhóm công tác xây dựng cá biệt, việc khảo sát và công bố đơn giá nhân công xây dựng của nhóm này phụ thuộc vào đặc thù riêng của từng địa phương.

5. Đơn giá nhân công tư vấn xây dựng được khảo sát, xác định và công bố theo 04 nhóm công việc tư vấn xây dựng công bố tại Phụ lục số 3 của Thông tư này.

Điều 5. Phương pháp xác định đơn giá nhân công xây dựng

1. Đơn giá nhân công xây dựng được khảo sát từ các nguồn thông tin như sau:

a) Xác định từ kết quả khảo sát trực tiếp tại công trình trong khu vực công bố.

b) Thống kê số liệu từ hồ sơ quyết toán hoàn thành hoặc số liệu kết quả trúng thầu của công trình tương tự tại khu vực công bố có điều chỉnh theo chỉ số giá nhân công xây dựng về thời điểm xác định.

c) Xác định từ kết quả khảo sát chuyên gia có kinh nghiệm, chủ đầu tư, nhà thầu và cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực thi công xây dựng.

d) Kết hợp các kết quả điều tra, thống kê nêu trên.

2. Đơn giá nhân công xây dựng của một nhân công trong nhóm các công tác xây dựng được tính bằng trung bình số học đơn giá nhân công thu thập, tổng hợp từ các mẫu phiếu khảo sát, xác định theo công thức sau:

$$G_{NCXD}^j = \frac{\sum_{i=1}^m G_{XD}^i}{m} \quad (1.1)$$

Trong đó:

- G_{NCXD}^j : đơn giá nhân công xây dựng của một nhân công trong nhóm công tác xây dựng thứ j tại bảng phân nhóm công tác xây dựng Phụ lục số 2 của Thông tư này (đồng/ngày công);

- G_{XD}^i : đơn giá nhân công thực hiện công tác xây dựng thứ i trong nhóm công tác xây dựng thứ j công bố tại Phụ lục số 2 của Thông tư, đơn giá nhân công thực hiện công tác xây dựng thứ i được xác định bằng điều tra, khảo sát theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 của Thông tư (đồng/ngày công);

- m: số lượng đơn giá nhân công xây dựng được tổng hợp trong nhóm.



3. Chi tiết phương pháp xác định đơn giá nhân công xây dựng quy định tại Phụ lục số 1 của Thông tư này.

4. Đơn giá nhân công xây dựng được thu thập, tổng hợp theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 7, 8, 9, 10 của Thông tư này.

Điều 6. Phương pháp xác định đơn giá nhân công tư vấn xây dựng

1. Đơn giá nhân công tư vấn xây dựng được khảo sát, xác định và công bố cho 04 nhóm tư vấn xây dựng công bố tại Phụ lục số 3 của Thông tư này.

2. Đơn giá nhân công tư vấn xây dựng được khảo sát theo chức danh, trình độ chuyên môn của chuyên gia tư vấn tại các đơn vị có hoạt động tư vấn xây dựng.

3. Đơn giá nhân công của một tư vấn trong nhóm chuyên gia tư vấn xây dựng được tính bằng trung bình số học đơn giá nhân công của các tư vấn xây dựng trong nhóm, cụ thể theo công thức sau:

$$G_{TVXD}^k = \frac{\sum_{l=1}^n G_{TV}^l}{n} \quad (1.2)$$

Trong đó:

- G_{TVXD}^k : đơn giá nhân công của một tư vấn trong nhóm chuyên gia tư vấn thứ k tại bảng phân nhóm trình độ tư vấn xây dựng Phụ lục số 3 của Thông tư này (đồng/ngày công).

- G_{TV}^l : đơn giá nhân công tư vấn thực hiện công việc thứ l trong nhóm công tác xây dựng thứ k công bố tại Phụ lục số 3 của Thông tư, đơn giá nhân công tư vấn thực hiện công việc thứ l được xác định bằng điều tra, khảo sát theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 của Thông tư (đồng/ngày công);

- n: số lượng đơn giá nhân công tư vấn xây dựng được tổng hợp trong nhóm.

4. Chi tiết phương pháp xác định đơn giá nhân công tư vấn xây dựng quy định tại Phụ lục số 1 của Thông tư này.

5. Đơn giá nhân công tư vấn xây dựng được thu thập, tổng hợp và công bố theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 12 và 13 của Thông tư này.

Điều 7. Quản lý đơn giá nhân công xây dựng

1. Bộ Xây dựng công bố khung đơn giá nhân công xây dựng của 03 loại nhân công xây dựng theo 04 vùng tại Phụ lục số 4 và khung đơn giá nhân công của 04 nhóm tư vấn xây dựng theo 4 vùng tại Phụ lục số 5 của Thông tư này.



2. UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ hướng dẫn của Thông tư này chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan khảo sát hoặc thuê tư vấn có đủ điều kiện năng lực khảo sát, thu thập thông tin, xác định đơn giá nhân công xây dựng phù hợp khung đơn giá nhân công xây dựng do Bộ Xây dựng công bố làm cơ sở công bố hoặc ủy quyền công bố đơn giá nhân công xây dựng định kỳ hàng tháng, hoặc quý làm cơ sở lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn và gửi kết quả công bố về Bộ Xây dựng để theo dõi quản lý.

3. Đối với các công tác xây dựng thuộc nhóm công tác cá biệt; các công tác xây dựng chưa có trong danh mục đã công bố hoặc các công tác xây dựng đã có trong danh mục nhưng đơn giá nhân công xây dựng theo công bố của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không phù hợp với loại, điều kiện thi công của công trình thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tổ chức khảo sát, công bố bổ sung, điều chỉnh áp dụng để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cho công trình xây dựng trên địa bàn.

4. Kinh phí cho việc khảo sát, thu thập thông tin, xác định và thông báo đơn giá nhân công xây dựng được bố trí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Riêng chi phí tổ chức khảo sát kiểm chứng đơn giá nhân công xây dựng của chủ đầu tư xác định bằng cách lập dự toán và được tính vào chi phí tư vấn khác trong chi phí đầu tư xây dựng của công trình.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Xây dựng hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc xác định và công bố đơn giá nhân công xây dựng của các địa phương theo quy định tại Khoản 4 Điều 32 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố hoặc ủy quyền cho Sở Xây dựng công bố đơn giá nhân công xây dựng và đơn giá nhân công tư vấn xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 của Thông tư này.

3. Chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng, nhà thầu tư vấn xây dựng hoạt động trên địa bàn của tỉnh, thành phố có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về đơn giá nhân công xây dựng trong hồ sơ công trình cho cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương tổng hợp, xác định, công bố đơn giá nhân công xây dựng.

Điều 9. Xử lý chuyển tiếp

1. Trường hợp tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình đã được phê duyệt trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này và chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu thì người quyết định đầu tư quyết định việc điều chỉnh đơn giá nhân công xây dựng trong tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng làm cơ sở xác định giá gói thầu theo đơn giá nhân công xây dựng do UBND cấp tỉnh, thành phố công bố trên cơ sở đảm bảo tiến độ và hiệu quả thực hiện dự án.

2. Các gói thầu đã ký hợp đồng xây dựng trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư thì thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2020 và thay thế Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW Đảng và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội;
- Các Tổng công ty nhà nước;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Xây dựng;
- Lưu VP, PC, Viện KTXD, Cục KTXD (G).

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Phạm Khánh



PHỤ LỤC SỐ 1

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

1. Nguyên tắc khảo sát, thu thập đơn giá nhân công xây dựng:

a) Đơn giá nhân công xây dựng được khảo sát, xác định và công bố theo nhóm nhân công xây dựng tại Phụ lục số 2 và nhóm nhân công tư vấn xây dựng tại Phụ lục số 3 của Thông tư này.

b) Việc lựa chọn khu vực để khảo sát, thu thập số liệu để xác định và công bố đơn giá nhân công xây dựng phải đảm bảo đủ số lượng thông tin yêu cầu tối thiểu, đảm bảo đủ độ tin cậy và phản ánh được mặt bằng giá thuê lao động tại khu vực cần công bố.

c) Các công trình, dự án được lựa chọn khảo sát, thu thập thông tin để xác định và công bố đơn giá nhân công xây dựng phải đảm bảo tính phổ biến về loại công trình, điều kiện thi công, tiến độ thi công, công nghệ thi công, trừ các công tác xây dựng thuộc nhóm công tác cá biệt. Chuyên gia xây dựng được lựa chọn để phỏng vấn thu thập thông tin phải có kinh nghiệm về lĩnh vực thi công xây dựng, sự am hiểu về thị trường nhân công xây dựng.

d) Đơn giá nhân công xây dựng phải phản ánh đúng trình độ, kinh nghiệm, năng suất lao động, thời gian, điều kiện làm việc của nhân công xây dựng.

e) Quá trình khảo sát, thu thập thông tin phải tuân thủ trình tự, phương pháp và các bảng, biểu mẫu đã được quy định tại Thông tư này. Số liệu thu thập được phải đảm bảo tính pháp lý, có sự xác nhận của các bên có liên quan.

f) Khu vực được lựa chọn để khảo sát và công bố đơn giá nhân công xây dựng trong tỉnh là các khu vực có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, phù hợp quy định phân vùng của Chính phủ.

g) Số liệu điều tra, khảo sát, thống kê sử dụng để xác định đơn giá nhân công xây dựng phải được xử lý, sàng lọc bằng phương pháp hồi quy trước khi tính toán xác định đơn giá nhân công xây dựng.

2. Tổ chức điều tra, khảo sát:

Bước 1: Cơ quan chủ trì ra quyết định thành lập tổ khảo sát;

Bước 2: Lập và phê duyệt kế hoạch khảo sát bao gồm các nội dung như sau:

+ Thời gian bắt đầu và kết thúc công việc khảo sát;

+ Các khu vực dự kiến công bố đơn giá nhân công xây dựng;

+ Lưới khảo sát;

+ Danh mục các công trình đang thi công xây dựng, đã thi công xây dựng hoàn thành trong 3 năm trên địa bàn được lựa chọn khảo sát, các đối tượng cần khảo sát;

+ Danh mục các công việc cần khảo sát, thu thập số liệu và kinh phí phục vụ khảo sát;

+ Tên đơn vị tư vấn chuyên môn thực hiện công tác khảo sát (nếu có).

Bước 2: Thông báo tới các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các đơn vị tư vấn, nhà thầu và các chuyên gia trên địa bàn về kế hoạch thực hiện khảo sát.

Bước 3: Tiến hành khảo sát, thu thập đơn giá nhân công xây dựng theo danh mục nhóm công tác xây dựng.

3. Điều tra, khảo sát xác định đơn giá nhân công xây dựng và nhân công tư vấn xây dựng:

3.1. Đối với đơn giá nhân công xây dựng:

- Một nhóm nhân công xây dựng cần thực hiện điều tra, khảo sát tối thiểu đơn giá nhân công của 03 công tác xây dựng trong nhóm theo tổ đội thực hiện công tác đó (bao gồm thợ chính và thợ phụ); mỗi công tác xây dựng cần thực hiện điều tra tối thiểu tại 03 công trình hoặc kết hợp các số liệu điều tra từ chuyên gia, số liệu thống kê từ hồ sơ quyết toán và kết quả trúng thầu;

- Đơn giá nhân công xây dựng của mỗi công tác xây dựng thứ i trong công thức 1.1 được điều tra bằng mẫu phiếu khảo sát tại Phụ lục số 7, 8, 9 và tổng hợp số liệu tính toán theo Phụ lục số 10 của Thông tư này.

3.2. Đối với đơn giá nhân công tư vấn xây dựng:

- Một nhóm nhân công tư vấn xây dựng cần điều tra, khảo sát tối thiểu 3 đơn vị tư vấn; mỗi đơn vị tư vấn điều tra tối thiểu 3 chuyên gia tư vấn thực hiện các công tác thuộc danh mục các công tác tư vấn xây dựng quy định tại Phụ lục số 3 của Thông tư này.

- Đơn giá nhân công tư vấn xây dựng của mỗi công việc tư vấn thứ 1 trong công thức 1.2 được điều tra bằng mẫu phiếu khảo sát công bố tại Phụ lục số 12 và tổng hợp số liệu tính toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số 13 của Thông tư này.

4. Hồ sơ xác định đơn giá nhân công xây dựng do địa phương công bố bao gồm:

- Quyết định thành lập tổ khảo sát;
- Kế hoạch khảo sát;
- Thuyết minh khảo sát trong đó nêu rõ: Đặc điểm kinh tế - xã hội của các khu vực công bố đơn giá nhân công xây dựng của tỉnh; số lượng, loại công trình đang thực hiện hoặc đã thực hiện trước thời điểm khảo sát của từng khu vực; các phiếu khảo sát lập theo mẫu; các biểu tổng hợp đơn giá nhân công xây dựng và đơn giá nhân công tư vấn xây dựng đủ pháp lý theo quy định của Thông tư này;
- File phần mềm tính toán đơn giá nhân công xây dựng và đơn giá nhân công tư vấn xây dựng.

5. Quy đổi đơn giá nhân công xây dựng theo cấp bậc trong hệ thống định mức dự toán xây dựng theo công thức sau:

$$G_{NCĐM}^i = \frac{G_{NCXD}^j \cdot xH_{CB}^i}{H_{CB}^j} \quad (1.3)$$

- $G_{NCĐM}^i$: đơn giá nhân công xây dựng thực hiện một công tác xây dựng thứ i có hao phí định mức công bố trong hệ thống định mức dự toán xây dựng công trình (đồng/công);

- G_{NCXD}^j : đơn giá nhân công xây dựng của một nhân công trong nhóm công tác xây dựng thứ j được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố (xác định theo công thức 1.1);

- H_{CB}^j : hệ số cấp bậc bình quân của nhóm nhân công xây dựng thứ j, quy định tại Phụ lục số 6 của Thông tư này;

- H_{CB}^i : hệ số cấp bậc của nhân công thực hiện công tác i có cấp bậc được công bố trong hệ thống định mức dự toán xây dựng công trình.

6. Ví dụ tính toán:

Xác định đơn giá nhân công xây dựng của công tác đào xúc đất ra bãi thải, bãi tập kết mã hiệu AB.11200 cấp bậc thợ 3/7 trong định mức dự toán xây dựng công trình, biết đơn giá nhân công xây dựng của nhóm 1 theo công bố của tỉnh là 180.000đ/ngày công, cấp bậc bình quân của nhóm 1 là 3,5/7:

ĐVT: đồng/ngày công

TT	Cấp bậc nhân công xây dựng	H_{CB}^i	ĐGNCXD bình quân nhóm I	ĐGNCXD bậc 3/7 của công tác đào đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)*1,39/1,52
1	1/7	1		
2	2/7	1,18		
3	3/7	1,39		164.600
4	3,5/7	1,52	180.000	
5	4/7	1,65		
6	5/7	1,94		
7	6/7	2,3		
8	7/7	2,71		

PHỤ LỤC SỐ 2
DANH MỤC NHÓM NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

STT	NHÓM NHÂN CÔNG XÂY DỰNG	CÔNG TÁC XÂY DỰNG
I	NHÓM CÔNG NHÂN XÂY DỰNG	
1	Nhóm 1	<ul style="list-style-type: none"> - Phát cây, phá dỡ công trình, tháo dỡ kết cấu công trình, bộ phận máy móc, thiết bị; - Nhổ cỏ, cắt tia cây; trồng cây cảnh, hoa, cỏ; - Bóc xếp, vận chuyển vật liệu; - Đào, đắp xúc, san đất, cát, đá, phế thải; - Đóng gói vật liệu rời; - Vận chuyển, bốc vác, xếp đặt thủ công; - Các công tác thủ công đơn giản khác.
2	Nhóm 2	<ul style="list-style-type: none"> - Phục vụ công tác đổ bê tông, làm móng; - Sản xuất, lắp dựng ván khuôn, giàn giáo, giáo an toàn, sàn đạo giá long môn; - Làm cốt thép, thép bản mã, thép hình, thép tấm - Xây, kê đá, bó vỉa nền đường; - Sản xuất lắp dựng vi kèo gỗ, thép, tôn, kính; - Làm trần cốt ép, trần nhựa, mái ngói, fibro xi măng...; - Cắt mài đá, ống thép, ống nhựa, tẩy rỉ thép, đánh vecni; - Quét vôi ve, nhựa đường; - Các công tác làm sạch bề mặt khác; - Phục vụ ép, nhỏ, đóng cọc, cừ, larsen (gỗ, tre, thép, bê tông); - Khoan, cắt bê tông; - Phục vụ khoan giếng, khoan dẫn, khoan tạo lỗ và các công tác phục vụ công tác khoan như bơm dung dịch chống sụt thành hố khoan, hạ ống vách...; - Nhân công làm cọc cát, giếng cát, cọc xi măng đất gia cố, gia cố nền đất yếu. - Các công tác khác cùng tính chất công việc.
3	Nhóm 3	<ul style="list-style-type: none"> - Trát, ốp, lát tường gạch, đá, bê tông, láng nền, lợp mái, trang trí tường, cách âm; - Sơn, bả bề mặt tường, kim loại, gỗ; - Sản xuất, lắp dựng thang sắt, lan can, vách ngăn, cửa sổ trời, hàng rào thép, hàng rào song sắt, cửa song sắt, cửa sắt, hoa sắt, cổng sắt; lam chắn nắng; - Sản xuất và làm sàn gỗ;

STT	NHÓM NHÂN CÔNG XÂY DỰNG	CÔNG TÁC XÂY DỰNG
		<ul style="list-style-type: none"> - Làm trần thạch cao, trần nhôm, trần inox, trần thép, đồng...; - Lắp dựng khuôn, cửa thép, gỗ, nhôm, kính, inox, tấm tường panel, tấm sàn, mái 3D-SG, tôn lượn sóng, trụ đỡ tôn lượn sóng; - Làm tiểu cảnh, hồ nước nhân tạo; - Lắp đặt điện, nước, thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy; lắp cáp viễn thông thông tin; - Các công tác khác cùng tính chất công việc.
4	Nhóm 4	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất, lắp đặt các kết cấu, thiết bị phục vụ giao thông, đường bộ, đường sắt, sân bay, bến cảng; - Hoàn thiện mặt đường, mặt cầu: gắn phản quang, lắp đặt giải phân cách, sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang, làm khe co giãn, lắp đặt gói cầu, cắt trám khe đường lăn sân đỗ; - Phục vụ đổ rải nhựa đường, bê tông nhựa; - Phục vụ đổ bê tông móng, mố, trụ cầu; - Nhân công quét đường nhựa, làm mối nối ống; - Khảo sát xây dựng; - Thí nghiệm vật liệu; - Các công tác khác cùng tính chất công việc;
5	Nhóm 5	<ul style="list-style-type: none"> - Gia công, lắp dựng cấu kiện thép, bê tông đúc sẵn, lao dầm, dàn cầu thép, khối hộp; - Cốt thép hầm, vòm hầm; - Cốt thép công trình thủy công, trụ pin, trụ biên, đập tràn, dốc nước, tháp điều áp; - Hàn tay nghề cao, đòi hỏi chứng chỉ quốc tế; - Kéo rải đường dây hạ thế, trung thế, lắp đặt trạm biến áp; - Các công tác khác cùng tính chất công việc.
6	Nhóm 6	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt neo cáp dự ứng lực; cáp cầu treo; - Lắp đặt máy, thiết bị dây chuyền công nghệ; - Lắp đặt máy và thiết bị nâng chuyên; - Lắp đặt thiết bị trộn, khuấy; lắp đặt thiết bị phân ly, lắp đặt đường ống công nghệ; - Gia công, lắp đặt thiết bị phi tiêu chuẩn; - Lắp đặt máy nghiền, sàng, cấp liệu; - Lắp đặt lò và thiết bị trao đổi nhiệt; - Lắp đặt máy bơm, trạm máy nén khí; - Lắp đặt thiết bị lọc bụi và ống khói, ống bảo ôn; - Lắp đặt thiết cân, đóng bao; - Lắp đặt thiết bị bunke, bình bể; - Lắp đặt turbin, máy phát điện, thiết bị van;

STT	NHÓM NHÂN CÔNG XÂY DỰNG	CÔNG TÁC XÂY DỰNG
		- Lắp đặt thiết bị đo lường và điều khiển; - Lắp đặt các máy móc, thiết bị phức tạp khác; - Các công tác khác cùng tính chất công việc.
7	Nhóm 7	Công tác sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ thi công, máy móc thiết bị lắp đặt công trình, máy móc thiết bị công nghệ...
8	Nhóm 8	Vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng;
9	Nhóm 9	Ô tô vận tải thùng, ô tô tự đổ, ô tô tưới nước, tải trọng dưới 25T; cần trục ô tô sức nâng dưới 25T; xe hút mùn khoan; ô tô bán tải; xe ô tô 7 chỗ dùng trong công tác khảo sát; xe hút chân không dưới 10 tấn; máy nén thử đường ống công suất 170CV; ô tô chuyên trộn bê tông dung tích thùng dưới 14,5m ³ ; xe bơm bê tông; máy phun nhựa đường; xe bồn 13m ³ -14m ³ ; xe nâng, xe thang, đầu kéo < 200t.
10	Nhóm 10	Ô tô tự đổ, tải trọng từ 25T trở lên; ô tô đầu kéo từ 200CV trở lên; ô tô chuyên trộn bê tông dung tích thùng từ 14,5m ³ trở lên; cần trục ô tô sức nâng từ 25T trở lên; xe bồn 30T; ô tô vận tải thùng từ 25T trở lên.
11	Nhóm 11	Các công tác cá biệt: thi công đèo, dốc cao; trụ tháp, thi công ngoài biển, đảo; trong hầm lò, than; Các công tác cá biệt khác cùng tính chất công việc và điều kiện thi công.
II	KỸ SƯ	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm
III	NGHỆ NHÂN	Chế tác đồ gỗ mỹ nghệ; Chế tác đồ đá mỹ nghệ; Chế tác tượng, biểu tượng.
IV	VẬN HÀNH TÀU, THUYỀN	
1	Thuyền trưởng	
2	Thuyền phó	
3	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện, kỹ thuật viên	
V	THỢ LẠN	

PHỤ LỤC SỐ 3
DANH MỤC NHÂN CÔNG TƯ VẤN XÂY DỰNG

STT	NHÓM NHÂN CÔNG TVXD	CÔNG VIỆC THUỘC LĨNH VỰC TƯ VẤN XÂY DỰNG
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; - Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Khảo sát, thiết kế, lập dự toán; - Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Đo bóc khối lượng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; - Kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Lập quy hoạch, thiết kế; giám sát; kiểm định xây dựng.
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn	<ul style="list-style-type: none"> - Lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; - Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Thiết kế, lập dự toán; - Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Đo bóc khối lượng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; - Kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; - Lập quy hoạch, thiết kế, giám sát, kiểm định xây dựng.

STT	NHÓM NHÂN CÔNG TVXD	CÔNG VIỆC THUỘC LĨNH VỰC TƯ VẤN XÂY DỰNG
3	Kỹ sư	<ul style="list-style-type: none"> - Lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; - Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Thiết kế, lập dự toán; - Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Đo bóc khối lượng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; - Kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Lập quy hoạch, thiết kế; giám sát; kiểm định xây dựng
4	Tư vấn khác (kỹ thuật viên, trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề)	<ul style="list-style-type: none"> - Lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; - Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Thiết kế, lập dự toán; - Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Đo bóc khối lượng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; - Kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; - Lập quy hoạch, thiết kế; giám sát; kiểm định xây dựng; - Các công việc khác.

PHỤ LỤC SỐ 4
KHUNG ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

ĐVT: đồng/ngày

STT	LOẠI NHÂN CÔNG	VÙNG I	VÙNG II	VÙNG III	VÙNG IV
1	Công nhân xây dựng, lái xe, vận hành máy và thiết bị thi công, kỹ sư khảo sát xây dựng	213.000 ÷ 280.000	195.000 ÷ 260.000	180.000 ÷ 246.000	172.000 ÷ 237.000
2	Thuyền trưởng, thuyền phó, thợ điều khiển tàu sông, tàu biển, thủy thủ, thợ máy, kỹ thuật viên	348.000 ÷ 520.000	319.000 ÷ 477.000	296.000 ÷ 443.000	280.000 ÷ 422.000
3	Nghệ nhân, thợ lặn	590.000 ÷ 620.000	540.000 ÷ 568.000	504.000 ÷ 527.000	479.000 ÷ 502.000

Ghi chú: Đơn giá nhân công xây dựng công bố tại bảng trên được công bố cho 04 vùng theo quy định của Chính phủ về lương tối thiểu vùng. Trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân chia khu vực công bố đơn giá nhân công xây dựng đảm bảo nguyên tắc về phân khu vực công bố đơn giá nhân công xây dựng trong tình quy định tại điểm f mục 1 Phụ lục số 01 của Thông tư này.

PHỤ LỤC SỐ 5
KHUNG ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐVT: đồng/ngày

STT	Trình độ	VÙNG I	VÙNG II	VÙNG III	VÙNG IV
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án	800.000 ÷ 1.500.000	710.000 ÷ 1.300.000	600.000 ÷ 1.160.000	560.000 ÷ 1000.000
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn	600.000 ÷ 1.150.000	530.000 ÷ 1.000.000	460.000 ÷ 890.000	400.000 ÷ 800.000
3	Kỹ sư	400.000 ÷ 770.000	355.000 ÷ 680.000	310.000 ÷ 600.000	280.000 ÷ 540.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề	360.000 ÷ 580.000	320.000 ÷ 515.000	280.000 ÷ 450.000	251.000 ÷ 405.000

PHỤ LỤC SỐ 6
BẢNG HỆ SỐ CẤP BẬC ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

STT	Nhóm nghề	Cấp bậc bình quân	H ⁱ _{CB}							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	Công nhân xây dựng	3,5/7	1	1,18	1,39	1,65	1,94	2,30	2,71	
2	Kỹ sư	4/8	1	1,13	1,26	1,40	1,53	1,66	1,79	1,93
3	Nghệ nhân	1,5/2	1	1,08						
4	Lái xe	2/4	1	1,18	1,40	1,65				
5	Thuyền trưởng, thuyền phó	1,5/2	1	1,05						
6	Thuyền thủ, thợ máy	2/4	1	1,13	1,3	1,47				
7	Thợ điều khiển tàu sông	1,5/2	1	1,06						
8	Thợ điều khiển tàu biển	1,5/2	1	1,04						
9	Thợ lặn	2/4	1	1,10	1,24	1,39				

PHỤ LỤC SỐ 7

PHIẾU KHẢO SÁT TỔ ĐỘI, THU THẬP ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TẠI CÔNG TRÌNH					
Tên dự án:			Nhóm công tác xây dựng:		2
Tên công trình:			Số thứ tự phiếu khảo sát:		CT.01
Loại công trình:			Khu vực công bố:		
Tên chủ đầu tư:			Vùng (theo phân vùng CP):		
Tên nhà thầu xây dựng:			Nguồn vốn dự án:		
Địa điểm XDCT:			Công nghệ thi công:		
Thời gian khảo sát:			Khí hậu khu vực KS:		
Đơn vị khảo sát:					
Tổ thợ:		Tổ gia công, lắp dựng cốt thép			
STT	Họ và tên	Hình thức tuyển dụng	Loại thợ	Đơn giá nhân công xây dựng thực nhận (đ/ngc)	Ghi chú
[1]	[2]	(3)	(4)	(5)	(6)
1		Biên chế	Chính	200.000	
2		Thuê khoán	Phụ	220.000	
....					
n					
Đơn giá nhân công xây dựng bình quân (đ/ngày công)				Gⁱ_{XD}	

Đơn vị khảo sát

Đại diện nhà thầu

Đại diện Sở Xây dựng

Ghi chú:

- Đơn giá nhân công xây dựng trong mẫu phiếu trên là đơn giá nhân công được xác định với thời gian làm việc một ngày là 8 giờ và một tháng là 26 ngày.

- Đơn giá khoán theo sản phẩm trong Thông tư này là đơn giá đã bao gồm đầy đủ các khoản bảo hiểm thuộc trách nhiệm phải nộp của người sử dụng lao động và các khoản bảo hiểm người lao động phải nộp (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, phí công đoàn).

- Đơn giá trả theo công nhật đối với lao động trong biên chế trong Thông tư này là đơn giá đã bao gồm các khoản bảo hiểm người lao động phải nộp theo quy định, và chưa bao gồm các khoản bảo hiểm mà người sử dụng lao động nộp cho người lao động đã được tính trong chi phí chung.

- Trường hợp hình thức tuyển dụng người lao động là hình thức thuê khoán theo sản phẩm thì chuyên gia khảo sát khi thu thập đơn giá nhân công xây dựng phải khấu trừ tỷ lệ % bảo hiểm phải nộp theo quy định của Luật Bảo hiểm mà người sử dụng lao động nộp cho người lao động đã tính trong chi phí chung trước khi ghi lại vào ô [5] trong mẫu phiếu;

- Thợ chính là thợ có kỹ thuật tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện các công việc để tạo ra sản phẩm của công trình.

- Thợ phụ là công nhân lao động phổ thông, giúp cho thợ chính thực hiện các công việc của công trình.

- Đơn giá nhân công xây dựng bình quân của cả tổ đội là đơn giá tương đương với cấp bậc bình quân công bố tại Phụ lục số 6 và được tính bằng trung bình số học đơn giá nhân công của thợ chính và thợ phụ trong tổ.

PHỤ LỤC SỐ 8

PHIẾU THỐNG KÊ ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TỪ KẾT QUẢ TRÚNG THẦU/SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH						
Tên dự án:					Nhóm công tác xây dựng:	2
Tên công trình:					Số thứ tự phiếu khảo sát:	QT.01
Loại công trình:					Khu vực công bố:	
Tên chủ đầu tư:					Vùng (phân vùng Chính phủ):	
Tên nhà thầu xây dựng:					Nguồn vốn dự án:	
Địa điểm xây dựng công trình:					Công nghệ thi công:	
Thời gian khảo sát:					Khí hậu khu vực KS:	
Đơn vị khảo sát:						
STT	Tên công tác xây dựng	ĐVT	Chi phí nhân công để thực hiện 1 đơn vị công tác xây dựng (đ)	Định mức hao phí lao động thực hiện công tác xây dựng (đ/đvt)	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân nhóm (đ/ngc)	Ghi chú
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)=(3)/(4)	(6)
1	Sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép lạnh tô, giằng tường dk<10mm, chiều cao <=50m	T	4.746.164	24,32	195.155	
2	Sản xuất lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn lạnh tô, giằng tường bằng ván ép phủ phim	m2	8.727.186	41,50	210.294	
3	Bê tông sản xuất qua dây chuyền trạm trộn tại hiện trường hoặc thương phẩm, đổ bằng cần cầu, bê tông lan can mác 350; chiều cao <50m	m3	690.848	3,54	195.155	
Đơn giá nhân công xây dựng bình quân nhóm (đ/ngc)					200.201	

Ghi chú: Định mức hao phí lao động thực hiện công tác xây dựng tại cột (4) là định mức của công tác xây dựng theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

Đơn vị khảo sát

Chủ đầu tư

Đại diện Sở Xây dựng

PHỤ LỤC SỐ 9

PHIẾU KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN TỪ CHUYÊN GIA							
Tên chuyên gia:					Nhóm công tác xây dựng:		2
Đơn vị công tác:					Số thứ tự phiếu khảo sát:		CG.01
Số năm kinh nghiệm:					Khu vực công bố:		
Lĩnh vực công tác:					Vùng (theo phân vùng Chính phủ):		
Địa điểm khảo sát ĐGNCXD:							
Thời gian khảo sát:							
Đơn vị khảo sát:							
STT	Tên công tác	Số lượng loại thợ trong 01 tổ đội		ĐGNCXD thực nhận (đ/ngày công)		ĐGNCXD bình quân (đ/ngc)	Ghi chú
		Thợ chính	Thợ phụ	Thợ chính	Thợ phụ		
[1]	[2]	(3)	(4)	(5)	(6)	$(9)=[(3)*(5)+(4)*(6)]/[(3)+(4)]$	(10)
1	Gia công, lắp dựng cốt thép						
2	Đổ bê tông						
...							
Đơn giá nhân công xây dựng bình quân (đ/ngc)						G^i_{XD}	

Đơn vị khảo sát

Chuyên gia

Đại diện Sở Xây dựng

Ghi chú:

- Đơn giá nhân công xây dựng trong mẫu phiếu trên là đơn giá nhân công được xác định với thời gian làm việc một ngày là 8 giờ và một tháng là 26 ngày.

- Đơn giá ghi nhận tại cột [5] và [6] Phụ lục số 9 là có thể là đơn giá khoán theo sản phẩm hoặc đơn giá trả theo công nhật. Trường hợp:

+ Đơn giá khoán theo sản phẩm thì đơn giá ghi nhận tại cột [5] và [6] Phụ lục số 9 phải khấu trừ tỷ lệ % các khoản bảo hiểm thuộc trách nhiệm phải nộp của người sử dụng lao động nộp cho người lao động (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, phí công đoàn).

+ Đơn giá trả theo công nhật đối với lao động trong biên chế thì đơn giá ghi nhận tại cột [5] và [6] là đơn giá chưa trừ các khoản bảo hiểm người lao động phải nộp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, phí công đoàn nếu có).

- Thợ chính là thợ có kỹ thuật tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện các công việc để tạo ra sản phẩm của công trình.

- Thợ phụ là công nhân lao động phổ thông, giúp cho thợ chính thực hiện các công việc của công trình.

- Đơn giá nhân công xây dựng bình quân của một công tác là đơn giá tương đương với cấp bậc bình quân công bố tại Phụ lục số 6 và được tính bằng bình quân gia quyền đơn giá nhân công của thợ chính và thợ phụ trong tổ đội.

PHỤ LỤC SỐ 10

BẢNG TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TỪNG KHU VỰC CỦA ĐỊA PHƯƠNG											
Thời gian tiến hành khảo sát:		Từ ngày đến ngày							Mã khu vực:		I
Khu vực 1 gồm các địa bàn:									Tổng số phiếu khảo sát:		
STT	Nhóm công tác xây dựng	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân nhóm (đồng/ ngày)									Đơn giá nhân công xây dựng bình quân (đ/ngc)
	Số thứ tự mẫu phiếu khảo sát	CT.01	CT.02	CT.03	CG.01	CG.02	QT.01	QT.02		
		PL7			PL8		PL9				
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[n]	$G_{XD}^j = [(3)+(4)+(5)+...]/n$
1	Nhóm 1										
2	Nhóm 2										
...	Nhóm 3										
7	Nhóm 4										
8	Nhóm 5										
9	Nhóm 6										
10	Nhóm 7										
11	Nhóm 8										
12	Nhóm 9										
13	Nhóm 10										
14	Nhóm 11										

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT

SỞ XÂY DỰNG

PHỤ LỤC SỐ 11

CÔNG BỐ ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG CỦA TỈNH/TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG					
STT	Nhóm	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực (đ/ngc)			
		Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực n
I	Công nhân xây dựng trực tiếp				
1	Nhóm 1				
2	Nhóm 2				
3	Nhóm 3				
4	Nhóm 4				
5	Nhóm 5				
6	Nhóm 6				
7	Nhóm 7				
8	Nhóm 8				
9	Nhóm 9				
10	Nhóm 10				
11	Nhóm 11 (nếu có)				
II	Kỹ sư				
III	Tư vấn xây dựng				
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án				
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn				
3	Kỹ sư				
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề				
IV	Nghệ nhân				
V	Lái xe				
VI	Thuyền trưởng, thuyền phó				
VII	Thủy thủ, thợ máy				
VIII	Thợ điều khiển tàu sông				
IX	Thợ điều khiển tàu biển				
X	Thợ lặn				

PHỤ LỤC SỐ 12

PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT NHÂN CÔNG TƯ VẤN XÂY DỰNG					
Tên công ty/Tên chuyên gia:				STT phiếu khảo sát: 01	
Địa điểm khảo sát đơn giá nhân công tư vấn xây dựng:					
Nhóm:		Kỹ thuật viên			
Thời gian khảo sát:					
STT	Họ và tên tư vấn	Trình độ, lĩnh vực chuyên môn	Lương tháng (đ/tháng)	Đơn giá tư vấn xây dựng (đ/ngc)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/26	[6]
1					
2					
3					
4					
5					
Đơn giá nhân công tư vấn xây dựng bình quân (đ/ngc)				x	

Ghi chú: đơn giá nhân công tư vấn xây dựng bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể và **chưa trừ** các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, các khoản trích nộp khác thuộc trách nhiệm phải nộp của cá nhân chuyên gia tư vấn xây dựng theo quy định của pháp luật.

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN

SỞ XÂY DỰNG

PHỤ LỤC SỐ 13

BẢNG TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG TƯ VẤN XÂY DỰNG							
Thời gian tiến hành khảo sát:						Mã khu vực:	KV.I
Khu vực 1 gồm các địa bàn:						Vùng (theo phân vùng Chính phủ):	
						Tổng số phiếu khảo sát:	
STT	Nhóm công tác xây dựng	Đơn giá nhân công tư vấn xây dựng					Đơn giá nhân công tư vấn xây dựng bình quân (đồng/ngc)
	Số thứ tự phiếu khảo sát	STT.01	STT.02	STT.03	STT.04	STT.05	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]=[3]+(4)+(5)+(6)+(7)/5
1	Tư vấn trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề						
2	Kỹ sư						
3	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn						
4	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án						

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT

SỞ XÂY DỰNG